| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TH**<br>**TỈNH B** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2021/DSST
Ngày: 04/10/2021
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH - TỈNH B**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Tuyên.

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Lê Bá Thành.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Th - tỉnh B.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Th - tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/10/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Th - tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện Th mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 28/2020/TLST-DS ngày 04/6/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-DS ngày 11/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-DS ngày 18/9/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1944.

Trú tại: Thôn Ng - xã Gi - huyện Th - tỉnh B. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn Th - xã N - huyện Th - tỉnh B. Vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa án của các đương sự thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ thông gia với nhau (Em gái chồng chị Nguyễn Thị D lấy cháu ruột gọi bà Nguyễn Thị Đ bằng dì) nên vào khoảng cuối năm 2017 bà Nguyễn Thị Đ có cho chị Nguyễn Thị D vay số tiền 60.000.000 đồng. Khi vay chị D viết giấy vay tiền, đồng thời ký tên vào giấy vay tiền ghi ngày 01/10/2017 (Âm lịch) tức

ngày 18/11/2017 (Dương lịch) với nội dung: *"Cháu D vay của bà Đ số tiền 60.000.000 (Sau mươi triệu đồng chẵn) hẹn ngày 28/12/2017 trả"*. Đến hẹn do chưa trả được tiền gốc nên chị D chỉ trả được tiền lãi cho bà Đ và viết giấy khất nợ hẹn đến ngày 25/02/2019 (Âm lịch) sẽ thanh toán hết cho bà Đ. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay chị D chỉ trả được cho bà Đ tiền lãi tính đến hết tháng 6/2019 (Âm lịch), còn tiền gốc thì chưa trả cho bà Đ một đồng nào.

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*** Vì có mối quan hệ thông gia với nhau nên bà Đ có quen biết chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1964 ở thôn Th - xã N - huyện Th - tỉnh B (Em gái chồng chị D lấy cháu ruột gọi bà Đ bằng dì). Do phía nhà chị D có công việc và biết được bà Đ có tiền gửi tiết kiện nên chị D đã đặt vấn đề hỏi vay tiền của bà Đ và được bà Đ đồng ý. Ngày 01/10/2017 (Âm lịch) tức ngày 18/11/2017 (Dương lịch), sau khi đi rút tiền từ ngân hàng về bà Đ đã cho chị D vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng với lãi suất vay 01%/tháng (Thỏa thuận miệng). Khi vay tiền chị D có viết giấy vay tiền và ghi trong đó là hẹn đến ngày 28/12/2017 (Âm lịch) tức ngày 13/02/2018 (Dương lịch) sẽ trả cho bà Đ. Số tiền cho vay này là tiền riêng của bà Đ không liên quan đến người nào khác và khi cho vay bà Đ cũng chỉ cho chị D vay chứ không liên quan gì đến chồng con của chị D. Trong quá trình vay, chị D trả lãi cho bà Đ hàng tháng nhưng đến hạn trả nợ gốc chị D không trả được cho bà Đ mà đề nghị bà Đ tiếp tục cho vay và trả lãi hàng tháng, đồng thời chị D viết giấy khất nợ ghi ngày 07/01/2019 (Âm lịch) hẹn đến ngày 25/02/2019 (Âm lịch) sẽ thanh toán hết cho bà Đ. Vì nghĩ đến tình cảm thông gia nên bà Đ đồng ý tiếp tục cho chị D vay nhưng chị D chỉ trả lãi cho bà Đ được đến hết tháng 6/2019 (Âm lịch) tức tháng 7/2019 (Dương lịch), còn từ tháng 7/2019 (Âm lịch) tức tháng 8/2019 (Dương lịch) đến nay thì chị D không trả được tiền lãi đồng thời cũng không đem trả tiền gốc cho bà Đ. Khi chị D không đem trả tiền cho bà Đ thì bà Đ cũng đã nhiều lần xuống tận nhà chị D yêu cầu phải trả tiền nhưng chị D khất nần và trốn tránh không chịu trả. Vì vậy, bà Đ khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Th - tỉnh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D phải trả số tiền gốc cho bà Đ là 60.000.000 đồng. Nếu chị D đồng ý trả ngay cho bà Đ thì bà Đ không yêu cầu tính lãi, còn nếu để Tòa án phải đưa ra xét xử thì bà Đ đề nghị Tòa án buộc chị D phải trả cho bà Đ số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tính lãi theo lãi suất 01/%/tháng từ khi chị D không trả được cho bà Đ (Từ tháng 7/2019 (Âm lịch) tức tháng 8/2019 (Dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử vụ án).

***Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*** Vì có mối quan hệ thông gia với nhau (Em gái chồng chị D lấy cháu ruột gọi bà Đ bằng dì) nên chị D có đặt vấn đề hỏi vay tiền của bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1944 ở thôn Ng - xã Gi - huyện Th - tỉnh B. Ngày 01/10/2017 (Âm lịch) tức ngày 18/11/2017 (Dương lịch), chị D có vay số tiền 60.000.000 đồng của bà Đ, thời hạn vay là 03 tháng với lãi suất vay 01%/tháng. Khi vay tiền chị D tự viết toàn bộ nội dung giấy vay tiền và ghi trong đó là hẹn đến ngày 28/12/2017 (Âm lịch) tức ngày 13/02/2018 (Dương lịch) sẽ trả cho bà Đ. Số

tiền cho vay này chị D vay để sử dụng vào việc riêng, chồng con của chị D không liên quan và không biết. Trong quá trình vay, chị D có trả lãi hàng tháng cho bà Đ nhưng đến hạn trả nợ gốc thì chị D không trả được cho bà Đ mà đề nghị bà Đ tiếp tục cho vay và trả lãi hàng tháng. Khi bà Đ tiếp tục cho vay thì chị D chỉ trả lãi cho bà Đ được đến hết tháng 6/2019 (Âm lịch) tức tháng 7/2019 (Dương lịch), còn từ tháng 7/2019 (Âm lịch) tức tháng 8/2019 (Dương lịch) đến nay thì chị D không trả được tiền lãi đồng thời cũng không đem trả tiền gốc cho bà Đ. Nay, bà Đ khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Th - tỉnh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D phải trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng chị D đồng ý trả, nhưng do hiện nay điều kiện hoàn cảnh kinh tế của chị D đang rất khó khăn nên chị D không thể trả ngay cho bà Đ một lần toàn bộ số tiền nêu trên được. Vì vậy, chị D chấp nhận chịu trả cả tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất 1% cho bà Đ từ tháng 7/2019 (Âm lịch) tức tháng 8/2019 (Dương lịch) đến khi trả xong nếu bà Đ để cho chị D trả dần mỗi tháng một ít và chị D sẽ trả hết cho bà Đơn trong thời hạn 02 năm. Chị D đề nghị Tòa án hòa giải vụ việc của chị D với bà Đ, còn nếu không hòa giải được thì chị D đề nghị Tòa án đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do các bên đương sự không thống nhất và hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục chung để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Nguyễn Thị D phải trả số tiền gốc đã cho vay là 60.000.000 đồng cùng lãi suất 01%/01tháng đối với số tiền cho vay tính từ tháng 8/2019 đến ngày Tòa án nhân dân huyện Th tuyên án. Bị đơn chị Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th phát biểu ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy

định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đối với chứng cứ mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ xuất trình và giao nộp cho Tòa án là: Giấy vay tiền ghi ngày 01/10/2017 (Âm lịch) và giấy nhận nợ ghi ngày 07/01/2019 (Âm lịch) nội dung chị Nguyễn Thị D vay của bà Đ số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ.

Sau khi phân tích, đánh giá những chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Buộc chị Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng cùng lãi suất là 15.702.000 đồng, tổng nợ gốc và nợ lãi là: 75.702.000 đồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:*

Về tố tụng: Bị đơn chị NguyễnThị D có hộ khẩu tại thôn Th - xã N - huyện Th - tỉnh B nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Th. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và bị đơn chị Nguyễn Thị D đều có đơn và văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng vay tài sản được giao kết vào năm 2017, tại thời điểm giao kết hợp đồng này thì Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, về nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Nguyễn Thị D phải trả số tiền 60.000.000 đồng cùng lãi suất 01%/01tháng đối với số tiền cho vay tính từ ngày 01/8/2019 đến ngày 04/10/2021. Hợp đồng vay tiền là 01 giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng, hợp đồng có thời hạn vay đến ngày 28/12/2017 (Âm lịch) tức ngày 13/02/2018 (Dương lịch). Khi không trả được tiền gốc chị D đã viết giấy khất nợ ghi ngày 07/01/2019 (Âm lịch) tức ngày 11/02/2019 (Dương lịch) và hẹn đến ngày 25/02/2019 (Âm lịch) tức ngày 30/3/2019 (Dương lịch) sẽ thanh toán hết cho bà Đ. Đến hẹn chị D không trả được cho bà Đ nên bà Đ đến nhà chị D đòi tiền gốc nhưng chị D không trả nợ, nên vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* vẫn còn thời hiệu.

Tính hợp pháp của hợp đồng: Ngày 01/10/2017 (Âm lịch) tức ngày 18/11/2017 (Dương lịch) bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị D đã giao kết hợp đồng vay tài sản. Xét về chủ thể giao kết hợp đồng vay tài sản thì bà Đ và chị D đều là người có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hai bên đều tự nguyện giao kết. Hợp đồng vay tài sản bà Đ và chị D giao kết có thời hạn, có lãi suất (Thỏa thuận miệng).

Đối với khoản nợ gốc 60.000.000 đồng: Bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị D đều thừa nhận là có giao nhận số tiền 60.000.000 đồng và chưa trả khoản nợ gốc này. Do vậy, cần buộc chị D phải trả bà Đ khoản nợ gốc 60.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với khoản nợ lãi: Trong hợp đồng vay tài sản ngày 01/10/2017 (Âm lịch) tức ngày 18/11/2017 (Dương lịch), bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị D không ghi lãi suất vào giấy vay tiền nhưng cả hai bên đều thừa nhận về lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 01%/01 tháng. Do vậy, yêu cầu của bà Đ với mức lãi suất 01%/01 tháng tính từ ngày 01/8/2019 (Dương lịch) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao *"Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"* nên cần được chấp nhận. Tính từ ngày 01/8/2019 đến ngày 04/10/2021 thì số tiền lãi cần buộc chị D phải trả cho bà Đ được tính cụ thể như sau: 60.000.000 đồng x 12% x 796 ngày : 365 ngày = 15.702.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy khoản nợ giữa chị D với bà Đ là vay nợ cá nhân và chưa thanh toán. Bà Đ yêu cầu Tòa án buộc chị D phải trả số tiền gốc và lãi là 75.702.000 đồng. Yêu cầu trên của bà Đ có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp.

Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Đ là đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Buộc chị Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc là 60.000.000 *(Sáu mươi triệu)* đồng và số tiền nợ lãi là 15.702.000 *(Mười lăm triệu bảy trăm linh hai nghìn)* đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 75.702.000 *(Bảy mươi lăm triệu bảy trăm linh hai nghìn)* đồng.

Kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu 3.785.100 *(Ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn một trăm)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**(Đã ký)**

**Bùi Văn Tuyên**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN**
**- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Bá Thành** **Nguyễn Thị Kim Dung** **Bùi Văn Tuyên**